TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 10 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam;

Ông Nguyễn Văn Năm;

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1278/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 154/TB-TA ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Minh N, sinh năm 1977 - vắng mặt;

Nơi cư trú: E1, Khu dân cư Quang Vinh, phường Tr, tỉnh Đồng Nai;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1979 - vắng mặt;

Địa chỉ thường trú: E1, Khu dân cư Quang Vinh, phường Tr, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở hiện nay: 3S Cư xá Phúc Hải, phường Tâ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

❖ **Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đặng Minh N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr (cũ là phường Tru, thành

phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai vào năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Tuấn.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đặng Minh K, sinh ngày 10/5/2005 và Nguyễn Đặng Duy K, sinh ngày 22/8/2014. Ly hôn, chị Nt xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Duy K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Minh Ki, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

❖ **Bị đơn - anh Nguyễn Duy T trình bày:**

- Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian và địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Nay chị N xin ly hôn thì anh không đồng ý, do chị N đơn phương xin ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đặng Minh K, sinh ngày 10/5/2005 và Nguyễn Đặng Duy K, sinh ngày 22/8/2014. Ly hôn, anh T xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Duy K, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Minh K, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

❖ ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, xét thấy vợ chồng chị N, anh T có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Đặng Minh K, sinh ngày 10/5/2005 và Nguyễn Đặng Duy K, sinh ngày 22/8/2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Duy K cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Minh K đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung: đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và pháp luật áp dụng:

- Về quan hệ pháp luật: chị Đặng Minh N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Xét anh chị là vợ chồng có đăng ký kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tr (cũ là phường Tru, thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2004 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, đây là tranh chấp về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Duy T có nơi cư trú tại địa chỉ: E1, Khu dân cư Quang Vinh, phường Tr, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về pháp luật áp dụng: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác lập năm 2004, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: nguyên đơn chị Nt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị N trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị xác định hiện nay không còn tình cảm với anh T, đề nghị được giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn do chị N đơn phương xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân giữa chị N và anh T đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị N không đồng ý hàn gắn, đoàn tụ và đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải. Đồng thời hiện nay hai anh chị không cùng chung sống tại một địa điểm với nhau từ tháng 06 năm 2025, như vậy, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế là không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị N ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đặng Minh K, sinh ngày 10/5/2005 và Nguyễn Đặng Duy K, sinh ngày 22/8/2014. Ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Duy K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Minh K, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cháu Duy K hiện đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

từ khi vợ chồng ly thân cho tới nay, đồng thời quá trình giải quyết vụ án cháu Duy K cũng có ý kiến trình bày nguyện vọng xin được ở với anh Tuấn, do đó, để đảm bảo ổn định đời sống, tránh làm xáo trộn, thay đổi gây ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày của cháu Duy K, nên Hội đồng xét xử giao cháu Duy K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Duy K đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Do anh T không yêu cầu nên tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Minh K, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, chị Đặng Minh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 9; Điều 10; Điều 85; Điều 89; Điều 92; Điều 93; Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

❖ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Đặng Minh N:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Minh N được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Đặng Duy K, sinh ngày 22/8/2014 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Duy Khôi đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tạm thời chị Đặng Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Đặng Minh K, sinh ngày 10/5/2005 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Sau ly hôn, chị Đặng Minh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

❖ Về án phí: Chị Đặng Minh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0007355 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Chị N đã nộp xong.

❖ Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Minh N, Anh Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án .

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Thái